



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLOG
ngày tháng 02 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Hóa sinh**
Medical Laboratory: **Biochemistry Department**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc**
Organization: **Vinh Phuc General Hospital**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Field of medical testing: **Biochemistry**
Người phụ trách/ Representative: **Ths. Bs. Trần Thị Bích Phượng**

Số hiệu/ Code: **Vilas Med 208**

Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria: ISO 15189:2022

Hiệu lực/ Validation: từ ngày /02/2026 đến ngày 05/12/2029

Địa chỉ/ Address: **Số 1 Tôn Thất Tùng, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ/ No. 1 Ton That Tung, Vinh Phuc Ward, Phu Tho Province**

Địa điểm/Location: **Số 1 Tôn Thất Tùng, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ/ No. 1 Ton That Tung, Vinh Phuc Ward, Phu Tho Province**

Điện thoại/ Tel: **0211 3696 324**

Email: **sinhhoavp@gmail.com**

Website:

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 208

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

TT	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết tương (Li-Heparin) <i>Plasma (Li-Heparin)</i>	Định lượng AST <i>Determination of AST</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic</i>	QTKT.HS.11 (2024) (Atellica CH)
2.		Định lượng ALT <i>Determination of ALT</i>		QTKT.HS.12 (2024) (Atellica CH)
3.		Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>		QTKT.HS.01 (2024) (Atellica CH)
4.		Định lượng Ure <i>Determination of Ure</i>		QTKT.HS.19 (2024) (Atellica CH)
5.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>		QTKT.HS.02 (2024) (Atellica CH)
6.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzym colorimetric</i>	QTKT.HS.06 (2024) (Atellica CH)
7.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>		QTKT.HS.07 (2024) (Atellica CH)
8.		Định lượng Acid uric <i>Determination of Acid uric</i>		QTKT.HS.20 (2024) (Atellica CH)

Ghi chú/Note:

- QTKT.HS....: *Phương pháp nội bộ/ Laboratory developed method*

- Trường hợp Khoa Hoá sinh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Bệnh viện phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Biochemistry Department that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the servic*